TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03/10/2019
"V/v ly hôn và nuôi con, cấp dưỡng nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lâm Tấn Đạt**.

2- Ông **Lê Hoàng Vũ.**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang*: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 106/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Võ Thị N**, sinh năm 2000. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã M, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Thái Văn T**, sinh năm 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/7/2019 nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Thái Văn T tự quen biết và tìm hiểu nhau, hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương vào ngày 24/9/2017 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi. Anh T không chăm sóc cho vợ, trong khi chị đang mang thai 03 tháng cho đến ngày sinh con. Do mâu thuẫn nên chị và anh T sống ly thân từ ngày 08/3/2018 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung tên Võ Thị Kim X, sinh ngày 18/9/2018, giới tính nữ, hiện nay đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thái Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào ngày 24/9/2017 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị N vợ anh về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Anh còn thương vợ muốn hàn gắn tình cảm, nhưng nếu vợ anh cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh xác nhận trong thời gian vợ chồng chung sống thì có 01 người con chung tên Võ Thị Kim X, sinh ngày 18/9/2018, giới tính nữ. Hiện nay con đang sống với chị N. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho vợ anh nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày; anh Thái Văn T thống nhất ly hôn và giao con cho chị N nuôi dưỡng nhưng anh T xin thay đổi ý kiến về việc cấp dưỡng dưỡng nuôi, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh không có việc làm nên không có thu nhập ổn định để cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Võ Thị N và anh Thái Văn T chung sống với nhau từ ngày 24/9/2017, mặc dù gia đình hai bên có tổ chức làm đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy quan hệ vợ chồng của anh chị không được pháp luật công nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù giữa chị N và anh T thống nhất thuận tình ly hôn với nhau nhưng HĐXX thấy rằng chị N và anh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị N và anh Thái Văn T.

Về con chung: Chị N và anh T thống nhất xác định trong thời gian vợ chồng chung sống thì có 01 người con chung tên là Võ Thị Kim X, sinh ngày 18/9/2018, giới tính nữ. Hiện nay con đang sống với chị N. Khi hai người không còn chung sống với nhau nữa thì anh T và chị N thống nhất thỏa thuận là giao con chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng nhưng tại phiên tòa anh T thay đổi ý kiến, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, chị N vẫn giữ yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

HĐXX xét thấy, mặc dù anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nhưng theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con". Vì vậy, trong trường hợp này cần buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về mức cấp dưỡng, anh T cho rằng mình không có việc làm, không có thu nhập ổn định nhưng với mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng, HĐXX xét thấy mức với cấp dưỡng trên đối với người lao động phổ thông, không có mức thu nhập ổn định vẫn có khả năng thực hiện được. Mặt khác, chị N cho biết bản thân chị hiện tại làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng 4.000.000đ đến 5.000.000đ, sau khi trừ các chi phí sinh hoạt thì không còn nhiều để lo cho con. Do đó, HĐXX nghĩ nên cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, với mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng là phù hợp với mức thu nhập bình quân ở địa phương

Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh T thống nhất trình bày là không có nên HĐXX không đề cập xem xét. Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị N phải chịu ly hôn là 300.000đ nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo lai thu số 0002980 ngày 02/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Thái Văn T phải nộp là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị N và anh Thái Văn T.

2. Về con chung: Giao con tên Võ Thị Kim X, sinh ngày 18/9/2018, giới tính nữ cho chị Võ Thị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Thái Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản. Nhưng anh T không được lợi dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con của chị N.

3. Về tài sản và nợ chung: HĐXX không đề cập xem xét. Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị N phải chịu ly hôn là 300.000đ nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo lai thu số 0002980

ngày 02/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Võ Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), buộc anh Thái Văn T phải chịu khoản tiền án phí này.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các đương sự báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/10/2019).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện;*
- *THADS huyện;*
- *UBND xã Minh Thuận;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh